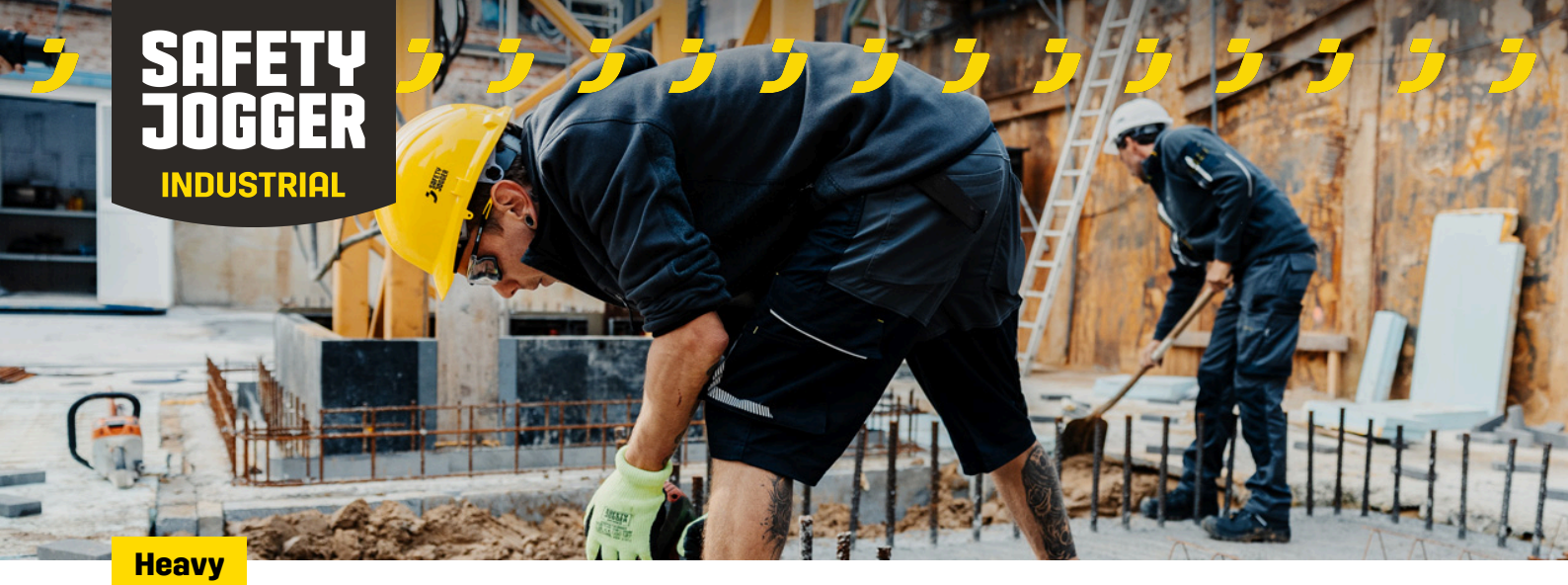


SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Heavy

VESUVIO S3 MID

VESUVIOS3M

Giày b ố t **da** đầ y đủ chứ c **năng** ế v ớ
ngoài PU/Cao su bám đư ờn g

Safety Jogger VESUVIOS3M: giày bảo h ộ chắc chắn việ c
da thoáng khí, đế ngoài S3 D à n h ấ p h ù hợp các ngành công
n ghiệ p ệ n g ộ h ỏi khắt khe.

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điên Da ng	
ót bên trong i 3D tái chế (100% tái chế)	
rong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
iữa đế g Thép	
ngoài Đ BASF PU/Cao Su (NBR)	
u Đứng đầ Thép	
i Loạ S3 / SR, SC, FO, HI, HRO, CI	
Phạm vi kích thước EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315	
ng lượng thép 0.780 kg	
ẩn hiêu chu ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022	



BLK



DBN



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên [illegible] các ứng
dụng linh hoạt



& nhiên
ế ngoài có Khả năng và nhiên liệu.



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích
hợp làm việc trong môi [illegible]
[illegible] cao
[illegible] bon. Những đôi giày này cũng
bảo vệ [illegible] thủng đế và nghiền
nát bàn chân.



ế **ngoài** tự **làm** s
[illegible] thiết kế tấ[illegible] gai l



T **SJ** BỌ
[illegible] lót chân T chống tĩnh [illegible] thảo mỏ
vặn, dẫn hướng và hấp thụ sốc
[illegible] gót chân và bàn T[illegible] khí và hút ẩm.



[illegible] nhiệt
[illegible] được nhiệt độ cao lên đến
300°C.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Xây dự n g, Hoá h ọ c , Ngành công n ghiệ p , Khai thác m ỏ , Dầu khí, ật thiế n thu

ường: **Môi** t
rư ờn môi t rơn hờn, môi khô, Bề mặt cự cmịn ờn, môi ùn, Có t u yế t và băng giá, b è mặt không bắn g phẳn ờn, môi ẩm ướt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ q
Nhữ n g vật l iệu a **đàn** n g **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8	5.3		ờ	mg/cm/g
	Top: hi ệu suất hấp th ụ mồ hôi	? 15	49.5			mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** ch ế **(100% tái** ch ế)					
	L ớp lót: khả năng thấm hút mồ hôi	? 2	103.5		ờ	mg/cm/g
	lót: hi ệu suất hấp th ụ mồ hôi	? 20	827.6			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800			chu kỳ
goài	Đ **BASF PU/Cao Su (NBR)**					
	Ch ố n g mài mòn ế ngoài (	? 150	95			mm
	a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28	0.35			ma sát
	a đế ngoài SRA- Phầ t g	? 0.32	0.38			ma sát
	a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13	0.15			ma sát
	ế ngoài SRB- phần g	? 0.18	0.21			ma sát
	ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	150			megaohm
	ESD Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	28			J
Đ ứ n g đầ	**Thép**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	17			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khẳng định quyền sở hữu và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		11.31		kg
	Bao bì		0.13		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			13.60 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		8%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.